

Ký hiệu genogram

Mọi ký hiệu mà GenogramAI vẽ, kèm ý nghĩa
Khổ US Letter · genogramai.com/genogram-key

Genogram dùng một bộ từ vựng nhỏ và nhất quán: hình cho con người, đường ngang cho bạn đời, đường dọc cho con cái, và các đường màu chồng lên cho tính chất cảm xúc của một mối quan hệ. Các hình vẽ dưới đây được tạo từ trình soạn thảo GenogramAI, nên giống hệt những gì bạn thấy trên màn hình và trong file xuất.

Con người 9 hình

**Nam**

Hình vuông.

**Nữ**

Hình tròn.

**Nam chuyển giới**

Hình vuông có hình tròn nhỏ bên trong.

**Nữ chuyển giới**

Hình tròn có hình vuông nhỏ bên trong.

**Phi nhị nguyên giới**

Hình vòm: đỉnh tròn, đáy phẳng.

**Liên giới tính**

Hình tròn có một đường dọc.

**Không rõ**

Hình thoi.

**Khác**

Hình thoi có dấu hỏi.

**Thù cừu**

Hình thoi viền chấm, nối với chủ nuôi bằng một đường chấm.

Tình trạng sống và mang thai

**Còn sống**

Chỉ có hình.

**Đã mất**

Dấu X trên hình.

**Đã mất, có ghi tuổi khi mất**

Khi tuổi lúc mất được ghi bên trong, dấu X thu lại thành các vạch ở góc.

**Mang thai**

Hình tam giác treo từ đường của cha mẹ.

**Sảy thai**

Hình tròn nhỏ tô đặc.

**Phá thai**

Dấu X nhỏ.

**Thai chết lưu**

Hình nửa kích thước có dấu X.

**Người trung tâm (người chính)**

Vòng ngoài bao quanh hình của thân chủ.

**Sinh đôi khác trứng**

Hai đường con cái từ một điểm.

**Sinh đôi cùng trứng**

Như trên, nối bằng một vạch ngắn.

Đường bạn đời 18 loại

Bạn đời được nối bằng một đường bên dưới hình của họ. Theo quy ước, người bạn đời nam ở bên trái; các mối quan hệ trước được vẽ bên trái các mối quan hệ sau.

MỨC ĐỘ GẮN KẾT

-----	Hẹn hò Đường nét đứt mảnh. Quan hệ lãng mạn chưa có cam kết chính thức.
.....	Đính hôn Đường chấm. Đã đính hôn.
————	Bạn đời Đường nét liền đậm. Quan hệ gắn bó lâu dài, có cam kết nhưng không kết hôn.

-----	Sống chung Đường nét đứt. Sống chung, không kết hôn.
————	Kết hôn Đường nét liền. Kết hôn (mọi giới).
.....(?)	Không rõ Đường chấm xám có dấu hỏi. Không rõ loại quan hệ.

CHẤM DỨT QUAN HỆ

-----/-----	Ly thân (sống riêng) Đường nét đứt có một vạch chéo. Sống riêng nhưng chưa ly thân hợp pháp.
-------------	--

————/————	Ly thân hợp pháp Đường nét liền có một vạch chéo. Ly thân hợp pháp.
-----------	---



Ly hôn

Hai vạch chéo. Đã ly hôn.



Hủy hôn

Hai vạch chéo và dấu X. Hôn nhân đã bị hủy.

HOÀN CẢNH



Ngoại tình

Đường nét đứt màu hồng. Ngoại tình.



Ngoại tình / Ly hôn

Đường nét đứt màu hồng có hai vạch chéo. Mỗi ngoại tình đã kết thúc.



Quan hệ một đêm

Chấm hồng thưa. Một lần gặp gỡ ngắn ngủi, thường chỉ về khi có con.



Tái hôn

Hai vạch chéo cắt bởi một vạch chéo ngược. Đã ly hôn, sau đó tái hôn với nhau.



Góa

Dấu X trên đường. Mối quan hệ kết thúc khi một người qua đời.



Ngoại tình / Ly thân

Đường nét đứt màu hồng có một vạch chéo. Mỗi ngoại tình kết thúc bằng ly thân.



Ngoại tình / Đã kết hôn

Đường hôn nhân có đường nét đứt màu hồng bên cạnh. Một cặp vợ chồng mà mối quan hệ từng có ngoại tình.



Hiếp dâm

Đường đỏ có dấu X đậm. Thụ thai hoặc tiếp xúc do bị tấn công tình dục. Chỉ ghi nhận những gì thân chủ tiết lộ.

Đường cha mẹ và con 7 loại

Con cái nối xuống từ đường bạn đời của cha mẹ, con lớn nhất ở bên trái.



Ruột thịt

Đường nét liền từ đường bạn đời xuống con.



Con nuôi

Hai đường, nét liền và nét chấm, cạnh nhau.



Nhận nuôi tạm thời

Đường chấm.



Con riêng

Đường gạch chấm tới con riêng của bạn đời.



Mang thai hộ

Đường nét đứt có chữ S.



Người hiến tinh trùng

Đường nét đứt có chữ SD.



Người hiến trứng

Đường nét đứt có chữ ED.

Đường cảm xúc 39 loại

Đường cảm xúc được vẽ chồng lên cấu trúc gia đình, giữa hai người bất kỳ. Chỉ dùng những đường cần thiết: một genogram có vài đường được chọn kỹ sẽ dễ đọc hơn một genogram mã hóa mọi mối quan hệ.

KÝ HIỆU CHUẨN



Có kết nối

Một mối liên kết cảm xúc đơn giản, không có tính chất đặc biệt.



Hòa thuận

Cán dự quá mức; ranh giới mờ nhạt.



Thù địch

Thù địch công khai.



Bạo hành tinh thần

Ép buộc, hạ nhục, kiểm soát. Mũi tên chỉ vào người phải chịu.



Xâm hại tình dục

Xâm hại tình dục. Mũi tên chỉ vào người phải chịu.



Tập trung tiêu cực vào

Sự chú ý mang tính chỉ trích hoặc đổ lỗi. Mũi tên chỉ vào người phải chịu.



Gần gũi

Gắn bó ấm áp, nâng đỡ, có ranh giới lành mạnh.



Xa cách

Mất kết nối cảm xúc.



Gần gũi & thù địch

Gắn gũi mà vẫn thù địch công khai.



Bạo hành thể chất

Gây tổn hại thể chất, từ người gây hại đến người bị hại. Mũi tên chỉ vào người phải chịu.



Tập trung vào

Sự chú ý hướng vào một người. Mũi tên chỉ vào người phải chịu.



Người chăm sóc

Sự chăm sóc dành cho người khác. Mũi tên chỉ vào người phải chịu.



Cắt đứt

Chủ động cắt đứt liên lạc.



Cắt đứt đã hàn gắn

Một lần rạn nứt đã được hàn gắn.

MỞ RỘNG



Thờ ơ

Không có sự đầu tư cảm xúc.



Chưa từng gặp

Chưa từng hình thành quan hệ.

TÍCH CỰC



Hòa thuận

Mối quan hệ cân bằng, êm ả.



Tình bạn

Mối gắn bó hỗ trợ ngoài gia đình.



Tình yêu

Tình thương và sự quan tâm sâu sắc.



Đang yêu

Gắn bó lãng mạn hai chiều.



Gắn bó

Gắn bó cảm xúc an toàn và bền lâu.



Say đắm ám ảnh

Say mê đơn phương. Mũi tên chỉ vào người phải chịu.

THÙ ĐỊCH VÀ BẠO LỰC



Xung đột

Căng thẳng và cãi vã thường xuyên.



Căm ghét

Thù hận sâu sắc.



Ngờ vực

Nghi kỵ, không tin tưởng.



Xa cách & thù địch

Xa cách và thù địch.



Hòa quyện & xung đột

Vướng víu và xung đột gay gắt.



Hòa quyện & thù địch

Vướng víu, thù địch công khai.



Bạo lực

Bạo lực thể chất hoặc đe dọa.



Xa cách & bạo lực

Xa cách, có bạo lực.



Gắn gũi & bạo lực

Gắn gũi nhưng có bạo lực thể chất.



Hòa quyện & bạo lực

Vướng víu, có bạo lực thể chất.

BẠO HÀNH VÀ KIỂM SOÁT



Bạo hành

Khuôn mẫu bạo hành chung. Mũi tên chỉ vào người phải chịu.



Bỏ bê thể chất

Bị từ chối chăm sóc, thức ăn hoặc chỗ ở. Mũi tên chỉ vào người phải chịu.



Bỏ bê cảm xúc

Bị từ chối chăm sóc về mặt cảm xúc. Mũi tên chỉ vào người phải chịu.



Thao túng

Ảnh hưởng ngầm. Mũi tên chỉ vào người phải chịu.



Kiểm soát

Kiểm soát cưỡng ép. Mũi tên chỉ vào người phải chịu.

SỰ CHÚ Ý



Ghen tuông

Chiếm hữu và ghen tị. Mũi tên chỉ vào người phải chịu.



Người hâm mộ / ngưỡng mộ

Sự ngưỡng mộ dành cho người khác. Mũi tên chỉ vào người phải chịu.



Ảnh hưởng

Một người chỉ phối mạnh lựa chọn của người kia; mũi tên chỉ vào người bị ảnh hưởng.

Tình trạng sức khỏe 22 danh mục

GenogramAI tô hình của một người bằng màu của từng tình trạng. Genogram mới dùng kiểu tô bóng cổ điển; bạn có thể chuyển genogram sang Góc phần tư trong Chế độ xem > Y khoa. Mỗi tình trạng có thể được đánh dấu Đang diễn ra, Nghi ngờ hoặc Đang hồi phục.

TỜ BÓNG CỔ ĐIỂN (MẶC ĐỊNH)



Bệnh thể chất hoặc tâm thần
Nửa trái.



Lạm dụng rượu hoặc ma túy
Nửa dưới.



Bệnh và lạm dụng chất
Ba phần tư.



Nghi ngờ
Cùng vùng, tờ sọc.



Bệnh đang thuyên giảm
Một phần tư dưới bên trái + đường dọc.



Đang hồi phục khỏi chất gây nghiện
Một phần tư dưới bên trái + đường ngang.

Kiểu góc phần tư



Một tình trạng
Mỗi tình trạng một góc phần tư.



Ba tình trạng
Tối đa bốn tình trạng, mỗi tình trạng một góc phần tư.

Màu của danh mục

-  Tim mạch

 Sức khỏe tâm thần

 Thần kinh

 Di truyền

 Lưỡng cực

 Khác

 Rối loạn ăn uống

 Khuyết tật học tập
-  Ung thư

 Sử dụng chất (nửa chất gây nghiện)

 Hô hấp

 Sinh sản

 Trầm cảm

 OCD

 Tâm thần phân liệt
-  Tiểu đường

 Rượu bia (nửa chất gây nghiện)

 Tự miễn

 Lo âu

 PTSD

 ADHD

 Sang chấn

Bạn cũng có thể thêm tình trạng tùy chỉnh; bạn chọn mỗi tình trạng nằm ở nửa bệnh tật hay nửa chất gây nghiện.

Nguồn gốc văn hóa 9 họa tiết

Họa tiết tờ và màu trên hình của một người ghi lại nguồn gốc văn hóa hoặc dân tộc. Hãy định nghĩa ý nghĩa của từng họa tiết trong chú giải của genogram.



Ngang



Dọc



Chéo phải



Chéo trái



Lưới



Chấm



Sóng



Bện



Ô vuông

Bối cảnh khác

Tôn giáo (13 lựa chọn: Cơ Đốc giáo, Công giáo, Chính thống giáo, Mormon, Nhân Chứng Giê-hô-va, Do Thái giáo, Hồi giáo, Phật giáo, Ấn Độ giáo, Đạo Sikh, Tâm linh, Không có, Khác), học vấn, tầng lớp xã hội, nơi ở và các trường tùy chỉnh được hiển thị dưới dạng nhân và trong lớp tương ứng của Chế độ xem, thay vì thành ký hiệu riêng. Hộ gia đình được vẽ thành đường bao quanh những người sống chung.

Cách dùng bảng này. Ký hiệu có khác nhau đôi chút giữa các sách và phần mềm. Dù dùng loại nào, hãy thêm chú giải cho mọi genogram bạn chia sẻ để người đọc biết từng đường và màu có nghĩa gì. GenogramAI có thể tự động thêm chú giải (Chú giải trên khung vẽ, hoặc "Chú giải tích hợp" khi xuất).

Ghi chú và tài liệu tham khảo

Ký hiệu tuân theo bộ ký hiệu genogram chuẩn do McGoldrick và cộng sự mô tả, cùng các mở rộng của GenogramAI. GenogramAI không liên kết với cũng như không được các tác giả hay nhà xuất bản bảo trợ.

McGoldrick, M., Gerson, R., & Petry, S. (2020). *Genograms: Assessment and Treatment* (4th ed.). W. W. Norton.

Phiên bản tương tác có tìm kiếm: genogramai.com/genogram-key · Hướng dẫn ký hiệu: genogramai.com/guide/genogram-symbols